

Số: /KH-SYT

Huế, ngày 09 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển hệ thống y tế thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045 nhằm thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động số 15-CTr/TU, ngày 19/12/2025 của Thành Ủy và Kế hoạch số 462/KH-UBND ngày 28/11/2025 của UBND thành phố Huế về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2. Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

3. Nghị quyết số 261/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

4. Quyết định số 3265/QĐ-BYT ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

5. Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Thành Ủy thành phố Huế về hành động thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

6. Kế hoạch số 462/KH-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của UBND Thành phố Huế và các phụ lục/danh mục nhiệm vụ kèm theo.

7. Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 05 tháng 05 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về hành động thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 của tỉnh Thừa Thiên Huế.

8. Các chương trình, kế hoạch của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố Huế liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

II. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG Y TẾ THÀNH PHỐ HUẾ

1. Mạng lưới y tế và tổ chức cung ứng dịch vụ

Hệ thống cung ứng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn thành phố phân theo cấp chuyên môn kỹ thuật, gồm:

- Cấp chuyên sâu: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế (Cấp chuyên sâu kỹ thuật cao; Trục thuộc Bộ Y tế); Bệnh viện Đa khoa trường Đại học Y Dược Huế (Cấp chuyên sâu; Trục thuộc Bộ GD&ĐT)

- Cấp cơ bản:

+ Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế - Cơ sở 2 (Trục thuộc Bộ Y tế); Bệnh viện Quân y – 268 (Trục thuộc Cục Quân Y- Bộ Quốc Phòng);

+ Các cơ sở khám chữa bệnh công lập: Bệnh viện Răng Hàm Mặt Huế; Bệnh viện Y học cổ truyền; Bệnh viện Mắt Huế; Bệnh viện Da liễu; Bệnh viện Tâm Thần Huế; Bệnh viện Phục hồi chức năng cơ sở 1; Bệnh viện Phục hồi chức năng cơ sở 2; Bệnh viện Phổi; Bệnh viện Đa khoa Bình Điền; Trung tâm Y tế (TTYT) Thuận Hóa; Phú Xuân; Hương Trà; Hương Thủy; Phong Điền; Phú Vang; Quảng Điền; Phú Lộc cơ sở 1; Phú Lộc cơ sở Chân Mây; Phú Lộc cơ sở Nam Đông, A Lưới; Bệnh xá Công an thành phố Huế;

+ Bệnh viện ngoài công lập: Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình - Phẫu thuật tạo hình Huế; Bệnh viện Đa khoa Hoàng Việt Thắng; Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Huế...

- Cấp ban đầu:

+ 40 Trạm Y tế xã, phường và các Trạm Y tế cơ sở trực thuộc; Trạm Y tế Công ty Cổ phần Dệt may Huế; Trạm Y tế thuộc Trung tâm Bảo trợ xã hội.

+ Phòng khám công lập: PKĐK trực thuộc Phòng Bảo vệ sức khỏe cán bộ thành phố (BVSKCB); PK chuyên khoa và điều trị nghiện chất (thuộc CDC); PKĐK Bác sĩ gia đình (Trường ĐHYD Huế)

- Phòng khám ngoài công lập: PKĐK Medic 01 Bến Nghé; PKĐK Medic 69 Nguyễn Huệ; PKĐK Medic Chi Lăng; PKĐK Nguyễn Xuân Dũ; PKĐK Âu Lạc; PKĐK Thanh Sơn; PKĐK Việt Nhật; PKĐK Cựu quân nhân; PKĐK Pháp Việt; PKĐK Thuận Đức; PKĐK Nguyễn Quang Hợp; PKĐK An Thịnh; PKĐK 24/7 Tâm Đức; PKĐK VNmed, PKĐK An Phước.

- Ngoài ra, còn có 06 Trung tâm chuyên ngành trong hệ thống y tế và cung ứng dịch vụ (*Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế; Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y thành phố Huế; Trung tâm Cấp cứu 115; Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em; Trung tâm Bảo trợ xã hội*).

Mạng lưới y tế cơ sở: Hệ thống TTYT và trạm y tế xã, phường được củng cố, bảo đảm bao phủ địa bàn dân cư. Y tế cơ sở từng bước triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe theo vòng đời, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; tuy nhiên, vai trò là “cửa ngõ” của hệ thống y tế chưa được phát huy đầy đủ, tỷ lệ người dân tiếp cận dịch vụ tại tuyến cơ sở còn thấp.

Hệ thống y tế dự phòng – kiểm soát bệnh tật: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố giữ vai trò nòng cốt trong giám sát, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, phòng chống bệnh không lây nhiễm và các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng. Năng lực dự báo, cảnh báo sớm dịch bệnh từng bước được nâng cao, song vẫn chịu áp lực lớn trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh mới nổi và tác động của biến đổi khí hậu.

Hệ thống giám định - pháp y và: Công tác giám định y khoa, pháp y cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước và nhu cầu xã hội;

Công tác y tế trường học: được triển khai tại các cơ sở giáo dục, góp phần chăm sóc sức khỏe học sinh, song còn thiếu nhân lực chuyên trách và cơ chế phối hợp ổn định.

Y tế tư nhân phát triển cả về số lượng và loại hình dịch vụ, phù hợp xu thế phát triển và giúp người dân có nhiều lựa chọn trong tiếp cận cơ sở y tế theo hướng gần dân nhất.

2. Nhân lực y tế và y đức

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của ngành, ngành Y tế luôn chú trọng công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ y tế. Nguồn nhân lực y tế được củng cố, phát triển cả về số lượng và chất lượng, từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, quản lý nhà nước, lý luận chính trị, đáp ứng yêu cầu ứng dụng khoa học công nghệ trong tình hình mới. Toàn ngành hiện có 2.405 công chức, viên chức và người lao động; trong đó có 511 người trình độ sau đại học, 1.143 người trình độ đại học; 615 bác sĩ, 201 dược sĩ, 614 điều dưỡng và 194 hộ sinh.

Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở Y tế luôn quan tâm công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Hằng năm, Sở cử hơn 500 lượt công chức, viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo sau đại học, đào tạo liên thông, bồi dưỡng ngắn hạn, đào tạo về quản lý nhà nước, lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh; đồng thời phối hợp Trường Đại học Y Dược Huế triển khai Dự án 585 của Bộ Y tế nhằm đào tạo bác sĩ cho vùng khó khăn.

Chất lượng đội ngũ cán bộ y tế ngày càng được nâng cao, song cơ cấu nhân lực giữa các tuyến, các chuyên khoa chưa thật sự hợp lý; còn thiếu bác sĩ tại y tế cơ sở và một số chuyên ngành sâu, lĩnh vực cấp cứu, hồi sức, phục hồi chức năng.

Bên cạnh đó, Sở Y tế đã tham mưu ban hành và triển khai chính sách thu hút nguồn nhân lực bác sĩ theo Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND và Kế hoạch số 129/KH-UBND. Giai đoạn 2023–2025, đã tuyển dụng được 24 bác sĩ/120 chỉ tiêu, đạt 20%. Tuy nhiên, chính sách thu hút, đãi ngộ chưa đủ mạnh để tạo đột phá, nhất là đối với tuyến cơ sở và các lĩnh vực khó.

Công tác giáo dục y đức, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ người bệnh được triển khai thường xuyên; kỹ năng giao tiếp, tư vấn, chăm sóc người bệnh từng bước được cải thiện nhưng vẫn còn một số hạn chế. Việc thực hiện Quy tắc ứng xử được quán triệt, giám sát chặt chẽ và lồng ghép với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Các đơn vị trực thuộc đã ban hành quy chế, kế hoạch,

cơ chế khen thưởng và xử lý vi phạm, qua đó góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm và ý thức của đội ngũ cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người dân.

3. Y tế dự phòng, an toàn thực phẩm, dân số phát triển và chăm sóc sức khỏe ban đầu

- *Công tác y tế dự phòng* luôn được ngành Y tế chú trọng, các hoạt động được triển khai tích cực, đồng bộ và theo quy định, đặc biệt là thường xuyên theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh, chủ động trong công tác giám sát, điều tra và xử lý dịch. Nhờ vậy, trong những năm qua, lĩnh vực y tế dự phòng thành phố Huế đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận, như: các dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi được ngăn chặn, không để xâm nhập vào thành phố; không chế, không xảy ra các dịch lớn về Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Sởi, Rubella...; duy trì loại trừ bệnh sốt rét, loại trừ uốn ván sơ sinh, thanh toán bại liệt; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em <10 tuổi trên 95% với 10 loại vắc xin; công tác phòng, chống HIV/AIDS đạt các chỉ tiêu đề ra, tiến sát đến mục tiêu loại trừ AIDS vào năm 2030; các bệnh không lây nhiễm bước đầu được triển khai theo mô hình tầm soát, dự phòng, quản lý điều trị ngay tại y tế cơ sở; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo cân nặng và theo chiều cao giảm qua từng năm và đạt các chỉ tiêu của Thành ủy, UBND thành phố giao; các chương trình y tế dự phòng khác như chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe môi trường, sức khỏe lao động, y tế trường học... được chú trọng và nhiều năm liền đạt hoặc vượt chỉ tiêu đề ra. Cùng với đó, công tác truyền thông giáo dục sức khỏe được triển khai tương đối hiệu quả, đổi mới phương thức tiếp cận và ngày càng đa dạng. Qua đó, nhận thức và hành vi chăm sóc sức khỏe của người dân từng bước được nâng cao, góp phần giảm gánh nặng bệnh tật và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

- *Về công tác an toàn thực phẩm*: Thành phố Huế là nơi tập trung nhiều cơ sở du lịch, dịch vụ, các trường đại học, cao đẳng; số lượng cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành Y tế quản lý hiện nay: 8.514 cơ sở (*trong đó: cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm 171; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống 2.506; kinh doanh thức ăn đường phố 5.837*), số cơ sở thuộc quản lý của cấp thành phố: 637 cơ sở. Trước sự phát triển không ngừng của đời sống, sản xuất, tốc độ gia tăng dân số, đô thị hóa mạnh mẽ và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm của người tiêu dùng thì vấn đề quản lý, kiểm soát và đảm bảo an toàn thực phẩm càng được đặt ra hết sức cấp bách, đòi hỏi mang tính định hướng chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát hữu hiệu hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm. Trong giai đoạn từ 2020-2025, toàn thành phố xảy ra 20 vụ ngộ độc thực phẩm, có 233 người mắc và đi viện, không có tử vong do ngộ độc thực phẩm. Tất cả các vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn đều được kiểm soát, lấy mẫu tại các cơ sở để xảy ra ngộ độc, lấy mẫu thực phẩm, bệnh phẩm và mẫu vật dụng tiếp xúc thực phẩm nhằm phục vụ công tác kiểm nghiệm, điều tra nguyên nhân gây ngộ độc.

- *Công tác dân số và phát triển* thành phố Huế đã đạt nhiều thành tựu quan trọng quy mô dân số đang trong thời kỳ dân số vàng, mức chết thấp, tuổi thọ trung bình tăng, chất lượng dân số ngày được nâng cao, nhưng đang đứng trước những thách thức mới: Mức sinh thấp và còn chênh lệch giữa các vùng, già hóa dân số tăng nhanh, tuổi thọ tăng nhưng số năm sống khỏe thấp, mất cân bằng giới tính còn diễn

ra và chất lượng dân số được cải thiện nhưng chưa cao, chưa đồng đều.

- *Chăm sóc sức khỏe ban đầu*: mô hình chăm sóc sức khỏe ban đầu toàn diện gắn với quản lý sức khỏe theo vòng đời, bền vững cho cá nhân và cộng đồng đang trong quá trình xây dựng và đầu tư, hoàn thiện. Các hoạt động khám chữa bệnh ban đầu, tiêm chủng, dinh dưỡng, nước sạch, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, truyền thông giáo dục sức khỏe, quản lý bệnh mạn tính...được duy trì và rộng khắp tại tuyến y tế cơ sở giúp dễ tiếp cận và phù hợp với mọi người dân.

4. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và chất lượng dịch vụ

- Mạng lưới khám chữa bệnh: Hệ thống cơ sở khám chữa bệnh công lập từ cấp chuyên sâu, đến cấp ban đầu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tuy nhiên, vai trò “chăm sóc sức khỏe ban đầu” của trạm y tế xã/phường chưa được khai thác đầy đủ, tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại trạm y tế còn thấp so với tiềm năng.

- Cấp cứu – hồi sức và liên thông chuyển người bệnh: Năng lực cấp cứu tại một số cơ sở còn chưa đồng đều; cơ chế phối hợp cấp cứu trước viện, cấp cứu ngoại viện và tiếp nhận người bệnh giữa các cấp cần tiếp tục được chuẩn hóa, bảo đảm nguyên tắc cấp cứu kịp thời, an toàn người bệnh và giảm quá tải.

- Phục hồi chức năng và chăm sóc liên tục: Các dịch vụ phục hồi chức năng, chăm sóc liên tục cho người cao tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh mạn tính; chăm sóc tại cộng đồng và tại nhà hiện mới ở giai đoạn khởi đầu, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tiễn.

- Y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại: Mạng lưới y học cổ truyền từ thành phố đến cơ sở được duy trì.

- Quản lý chất lượng và an toàn người bệnh: Công tác đánh giá, cải tiến chất lượng bệnh viện được duy trì hằng năm; việc ứng dụng công cụ quản lý chất lượng hiện đại, quản trị rủi ro, báo cáo sự cố y khoa, an toàn người bệnh còn chưa đồng bộ.

5. Công tác quản lý dược, cung ứng thuốc, vật tư y tế

- Thực hiện nhiệm vụ đấu thầu thuốc tập trung cấp địa phương cho các đơn vị y tế trên địa bàn.

- Công tác quản lý chất lượng thuốc, mỹ phẩm còn gặp nhiều khó khăn do cơ sở xuống cấp, trang thiết bị chưa được đầu tư nâng cấp, giá một số chất chuẩn đắt.

- Nhân lực dược làm công tác Dược lâm sàng tại các cơ sở y tế hiện nay còn thiếu và yếu.

- Hệ thống quản lý kết nối liên thông dữ liệu Dược Quốc gia đến nay vẫn đang trong trạng thái bảo trì nên các cơ sở kinh doanh vẫn chưa liên thông dữ liệu.

- Phần mềm quản lý dữ liệu hành nghề và kinh doanh dược hiện tại không đăng nhập được gây khó khăn cho công tác quản lý.

6. Cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế

- Trong một thời gian dài, ngành y tế thành phố Huế không được đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất ngoài 3 cơ sở được đầu tư từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực y tế: Dự án Trung tâm Kiểm

soát bệnh tật thành phố; Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện đa khoa Bình Điền và Trung tâm Y tế Quảng Điền; Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 31 Trạm Y tế tuyến xã. Dẫn đến hiện nay cơ sở vật chất của toàn ngành đã xuống cấp nghiêm trọng.

- Đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện các dự án đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất và bổ sung thiết bị y tế cho tuyến y tế cơ sở trên địa bàn: Trung tâm Y tế A Lưới, Trung tâm Y tế Phú Xuân, Trung tâm Y tế Phú Lộc cơ sở 1, Trung tâm Y tế Thuận Hóa, Trung tâm Bảo trợ xã hội;, Bệnh viện Tâm thần Huế, Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em.

- Tiếp tục tham mưu triển khai dự án đầu tư mua sắm, trang bị một số thiết bị y tế cho các cơ sở khám chữa bệnh nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ chuyên môn. Huy động các nguồn lực, các tổ chức đầu tư thiết bị y tế cho các đơn vị phát huy hiệu quả sử dụng các thiết bị đã có.

- Về đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất, thiết bị tại Trạm y tế: Tính đến hết ngày 31/12/2025, 100% số xã, phường, trên địa bàn thành phố đã đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2023-2025. Mặc dù việc thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đã góp phần thay đổi diện mạo của Trạm y tế xã, tuy nhiên do không có kinh phí duy tu, bảo dưỡng hàng năm nên nhiều cơ sở Trạm y tế sau nhiều năm sử dụng khai thác, cơ sở hạ tầng của nhiều trạm y tế xã đã xuống cấp cần tiếp tục được đầu tư, nâng cấp để đáp ứng cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động chuyên môn.

7. Công tác Bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội

- Trong thời gian qua, chính sách trợ giúp xã hội, hưu trí xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của Trung ương, thành phố. Hệ thống chính sách ngày càng hoàn thiện, mức chuẩn trợ giúp xã hội được điều chỉnh kịp thời, góp phần bảo đảm an sinh xã hội cho các nhóm yếu thế, đặc biệt là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Công tác chi trả trợ giúp xã hội cho 79.242 đối tượng bao gồm cả hưu trí xã hội đã có bước chuyển mạnh sang hình thức không dùng tiền mặt, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý và chi trả chính sách, góp phần nâng cao tính minh bạch, thuận tiện và hiệu quả. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội từng bước được củng cố, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng không có khả năng sống tại cộng đồng. Hiện nay, trên địa bàn thành phố có 22 cơ sở trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho hơn 1.370 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện sống tại cộng đồng.

- Toàn thành phố có 273.215 trẻ em chiếm 24,7% dân số. Lĩnh vực trẻ em được quan tâm toàn diện từ hoàn thiện thể chế đến tổ chức thực hiện. Công tác phòng ngừa, bảo vệ trẻ em trước nguy cơ bạo lực, xâm hại, tai nạn thương tích, đuối nước được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức thiết thực. Các chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em nghèo, cận nghèo được triển khai tương đối đầy đủ, kịp thời; quyền tham gia của trẻ em ngày càng được tôn trọng, tạo điều kiện để trẻ em bày tỏ ý kiến, nguyện vọng và tham gia vào các vấn đề liên quan đến trẻ em.

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội tiếp tục được tăng cường, tập trung vào

tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng,

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác này vẫn còn một số hạn chế: việc triển khai chính sách trong bối cảnh tăng nhanh về đối tượng, năng lực cán bộ cơ sở chưa đồng đều; ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý chưa thực sự ổn định, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý đối tượng; công tác phòng ngừa tệ nạn xã hội vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ trong thời gian tới.

8. Tài chính y tế và bảo hiểm y tế

Đầu tư cho y tế: Chính sách tài chính cho ngành y tế từng bước được cải thiện, việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và bổ sung thiết bị cho các cơ sở y tế từ thành phố đến cơ sở đã tạo điều kiện để đội ngũ thầy thuốc triển khai các dịch vụ kỹ thuật có chất lượng, từng bước đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Nguồn lực tài chính dành cho y tế từng bước được quan tâm, song chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển, đặc biệt đối với y tế dự phòng và y tế cơ sở. Mặc dù với nguồn tài chính được cấp hàng năm còn hạn chế nhưng cơ cấu chi ngân sách cho y tế đảm bảo sự hài hoà giữa khám bệnh, chữa bệnh và công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và quản lý bệnh mạn tính.

Bảo hiểm y tế: Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế của thành phố duy trì ở mức cao (99,3%); người dân cơ bản được tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu. Tuy nhiên, việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế tại y tế cơ sở còn hạn chế; cơ chế thanh toán, định mức, giá dịch vụ y tế còn hạn chế, khả năng mở rộng danh mục kỹ thuật và thu hút người bệnh chưa cao.

Phối hợp khám sức khỏe định kỳ và sàng lọc: Hoạt động khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật bước đầu được triển khai thông qua các chương trình, dự án và nguồn xã hội hóa; tuy nhiên, chưa được tổ chức đồng bộ, bền vững gắn với quản lý sức khỏe toàn dân và sổ sức khỏe điện tử.

Định hướng miễn viện phí mức cơ bản: Việc nghiên cứu, xây dựng lộ trình miễn viện phí mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo các đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt là yêu cầu tất yếu, song đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn, cơ chế quản lý phù hợp và sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp.

9. Khoa học công nghệ và chuyển đổi số

a) Về Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong ngành Y tế.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đổi mới sáng tạo trong ngành Y tế được quan tâm; hàng năm, có khoảng 120 đề tài nghiên cứu khoa học - sáng kiến kỹ thuật cấp cơ sở được Sở Y tế nghiệm thu; phối hợp với Bệnh viện Trung ương Huế, Trường Đại học Y Dược Huế và các đơn vị liên quan triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực y tế các cấp. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, Sở Y tế đã cùng phối hợp tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo y khoa có quy mô thành phố, quốc gia và cả mang tầm quốc tế với nhiều lĩnh vực, chuyên đề chuyên sâu, phong phú và đa dạng. Một số kỹ thuật mới, phương pháp điều trị hiện đại từng bước được triển khai, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

b) Về Chuyển đổi số:

- 100% đơn vị trực thuộc (17/17) đã triển khai hồ sơ bệnh án điện tử; dữ liệu khám chữa bệnh được kết nối, liên thông từ hệ thống HIS với Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID thông qua trung tâm điều phối dữ liệu y tế GMEDICAL (đến 8/12/2025: 667.209 hồ sơ, 550.257 bệnh nhân).

- Triển khai đồng bộ Đề án 06, bao gồm: thanh toán không dùng tiền mặt tại 100% cơ sở khám chữa bệnh; triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID; liên thông giấy hẹn khám lại, giấy chuyển tuyến BHYT điện tử và ký số dữ liệu.

- Đẩy mạnh y tế số, triển khai khám, tư vấn từ xa; thí điểm nền tảng y tế thông minh, thiết bị y tế thông minh (IoMT); thực hiện kê đơn thuốc điện tử theo quy định; 100% cơ sở bán lẻ thuốc kết nối liên thông cơ sở dữ liệu được quốc gia.

- Xây dựng và vận hành các hệ thống chuyên ngành, gồm: quản lý an toàn thực phẩm; quản lý đối tượng bảo trợ xã hội; đăng ký, giải quyết trợ giúp xã hội trực tuyến; hệ thống thông tin sức khỏe bà mẹ – trẻ em, sức khỏe sinh sản; hệ thống quản lý dân số MIS.

- Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, với 100% thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và của thành phố; triển khai hiệu quả các nền tảng dùng chung của UBND thành phố; 100% báo cáo định kỳ và hồ sơ (không mật) được tạo lập, lưu trữ, chia sẻ dưới dạng điện tử, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành.

10. Công tác cải cách thủ tục hành chính

Trong năm 2025, Sở Y tế đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến công tác pháp chế và công tác kiểm soát TTHC. Đặc biệt, các nhiệm vụ này càng có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cụ thể đạt được một số kết quả năm 2025 như sau:

a) Về Công tác pháp chế, cải cách thể chế

- Tham mưu UBND thành phố ban hành các Quyết định quy phạm pháp luật quy định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Huế

- Tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định số 82/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công, phân cấp, phối hợp quản lý an toàn thực phẩm thuộc ngành Y tế quản lý trên địa bàn thành phố Huế kèm theo Quyết định số 66/2020/QĐ-UBND;

b) Về Công tác cải cách thủ tục hành chính

- Tham mưu ban hành 31 quyết định công bố TTHC, nâng tổng số TTHC ngành Y tế quản lý lên 165; đồng thời phê duyệt 25 quy trình nội bộ và ban hành quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC theo kế hoạch năm 2025; tham mưu công bố TTHC nội bộ lĩnh vực Dược sau đơn giản hóa; rà soát, đề xuất đơn giản hóa 02 TTHC và kiến nghị bãi bỏ một số thành phần hồ sơ không cần thiết, góp phần tiết kiệm chi phí tuân thủ khoảng 672.000 đồng/năm.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được:

- Công tác phòng, chống dịch bệnh được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, được triển khai chủ động, quyết liệt và đồng bộ. Nhờ đó, tình hình dịch bệnh trên địa bàn thành phố luôn được kiểm soát hiệu quả; khống chế tốt các dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi và các dịch bệnh lưu hành (sốt xuất huyết, tay chân miệng,...); không để xảy ra tình trạng dịch chông dịch hay bùng phát trên diện rộng. Cơ sở vật chất, thuốc hóa chất vật tư, thiết bị y tế được bảo đảm đầy đủ, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu công tác y tế dự phòng theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Công tác quản lý nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh tiếp tục được tăng cường; quản lý chất lượng dịch vụ và an toàn người bệnh được chú trọng. Ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế từng bước được nâng lên, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân. Hệ thống khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập từng bước được củng cố, năng lực chuyên môn của nhiều cơ sở được nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân.- Công tác quản lý nhà nước về khám chữa bệnh, quản lý chất lượng, an toàn người bệnh được tăng cường; ý thức, thái độ phục vụ người bệnh từng bước được cải thiện.

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế duy trì ở mức cao, tạo điều kiện để người dân tiếp cận thuận lợi hơn với các dịch vụ y tế cơ bản, góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Cùng với đó, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế được triển khai bước đầu hiệu quả, từng bước hình thành nền tảng dữ liệu y tế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và cung ứng dịch vụ khám chữa bệnh.

- Công tác quản lý dược và mỹ phẩm được thực hiện chặt chẽ. Việc đấu thầu, mua sắm thuốc được chỉ đạo thực hiện đúng quy định; hệ thống phân phối thuốc phát triển cả về số lượng và chất lượng, bao phủ rộng khắp địa bàn, bảo đảm cung ứng thuốc đầy đủ, kịp thời, có chất lượng cho người dân, kể cả tại vùng sâu, vùng xa, biên giới. Hoạt động được lâm sàng tại các cơ sở khám chữa bệnh được đẩy mạnh, hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; công tác thanh tra, kiểm tra lĩnh vực dược, mỹ phẩm được duy trì thường xuyên.

- Công tác đảm bảo ATTP được triển khai khá đồng bộ và có nhiều chuyển biến tích cực; nguồn lực để đảm bảo an toàn thực phẩm được tăng cường. Các cấp ủy Đảng, Chính quyền luôn coi trọng và xác định việc thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn thực phẩm là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong những năm qua đạt theo kế hoạch đã đề ra, tỷ lệ mắc NĐTP <7 người/100.000 dân, không có trường hợp tử vong, không có vụ ngộ độc xảy ra với quy mô >30 người/vụ. Các Sở, Ngành, đoàn thể trên địa bàn thành phố phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn thực phẩm, góp phần an sinh xã hội.

2. Khó khăn, tồn tại:

- Nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm luôn thường trực và diễn biến khó lường, bao gồm các bệnh lưu hành (sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm mùa) và các bệnh mới nổi, tái nổi (sởi, liên cầu lợn, cúm A/H5N1...). Đồng thời, gánh nặng

bệnh tật “kép” gia tăng nhanh khi tỷ lệ mắc các bệnh không lây nhiễm và các yếu tố nguy cơ sức khỏe cộng đồng ở mức cao, tạo áp lực lớn lên hệ thống y tế.

- Chất lượng khám bệnh, chữa bệnh giữa các tuyến, các khu vực còn chênh lệch; y tế cơ sở chưa phát huy đầy đủ vai trò chăm sóc sức khỏe ban đầu, chưa thực sự thu hút người dân. Công tác quản lý chất lượng và an toàn người bệnh tại một số cơ sở triển khai chưa đồng bộ; hoạt động cải tiến chất lượng còn mang tính hình thức.

- Nguồn nhân lực còn thiếu và chưa cân đối, đặc biệt là nhân lực chuyên môn sâu trong các lĩnh vực cấp cứu, hồi sức; năng lực của đội ngũ làm công tác quản lý dược, mỹ phẩm tại một số đơn vị còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

- Năng lực kiểm nghiệm còn hạn chế; việc bảo quản thuốc tại một số cơ sở chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dược chưa ổn định, dữ liệu chưa được khai thác hiệu quả. Tình trạng vi phạm trong kinh doanh dược, mỹ phẩm còn diễn biến phức tạp; công tác phòng, chống thuốc giả, mỹ phẩm kém chất lượng gặp nhiều khó khăn do phương thức vi phạm ngày càng tinh vi.

- Hệ thống văn bản pháp luật chưa đồng bộ; năng lực quản lý, kiểm soát tại tuyến cơ sở còn hạn chế; đa số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy mô nhỏ lẻ, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm chưa cao.

- Cơ sở hạ tầng và thiết bị y tế, nhất là tại tuyến cơ sở và y tế dự phòng, còn thiếu và xuống cấp; nhiều cơ sở không bảo đảm đủ phòng chức năng, diện tích và điều kiện kỹ thuật theo quy chuẩn, ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn và công tác cấp phép. Việc huy động nguồn lực đầu tư cho trạm y tế xã và y tế dự phòng còn khó khăn; thiết bị y tế thiết yếu chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kỹ thuật và nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của Nhân dân.

- Cơ chế tài chính và thanh toán bảo hiểm y tế còn bất cập, ảnh hưởng đến việc mở rộng dịch vụ kỹ thuật, đầu tư phát triển và khả năng tự chủ của các đơn vị y tế, đặc biệt tại tuyến cơ sở. Nguồn lực cho các chương trình y tế còn hạn chế; các đơn vị sự nghiệp y tế, nhất là đơn vị tự chủ, gặp khó khăn trong bảo đảm kinh phí đầu tư phát triển. Kinh phí đầu tư cho phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh còn thấp, gây khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu pháp lý để duy trì hoạt động.

- Kinh phí đầu tư cho công nghệ thông tin còn hạn chế; các hệ thống dữ liệu y tế phân tán, chưa hình thành hệ thống thông tin y tế địa phương tập trung. Hành lang pháp lý và hướng dẫn kỹ thuật cho việc liên thông, kết nối dữ liệu y tế từ địa phương đến Trung ương còn thiếu; việc chia sẻ dữ liệu hiện chủ yếu mới kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Công giám định bảo hiểm y tế, chưa mở rộng đầy đủ đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chưa ký hợp đồng bảo hiểm y tế.

- Công tác dân số và phát triển đối mặt với nhiều vấn đề như mức sinh thấp, già hóa dân số nhanh, số năm sống khỏe thấp, mất cân bằng giới tính khi sinh và chất lượng dân số chưa đồng đều.

- Lĩnh vực bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội còn hạn chế về năng lực đội ngũ cấp xã; tình hình tệ nạn xã hội vẫn tiềm ẩn diễn biến phức tạp, tác động gián tiếp đến công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

3. Nguyên nhân:

- Cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư cho y tế còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, đặc biệt đối với y tế cơ sở, y tế dự phòng và chuyển đổi số y tế.

- Nguồn nhân lực y tế còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng, nhất là nhân lực chuyên môn sâu, nhân lực quản lý, nhân lực trong lĩnh vực dược và công nghệ thông tin, ảnh hưởng đến năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và quản lý nhà nước.

- Cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế và điều kiện kỹ thuật tại nhiều cơ sở y tế còn thiếu, xuống cấp và chưa đồng bộ, làm hạn chế khả năng mở rộng dịch vụ kỹ thuật, nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các hoạt động chuyên môn theo quy chuẩn.

- Công tác quản lý, điều hành và quản trị chất lượng tại một số đơn vị chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, việc triển khai cải tiến chất lượng chưa thực chất, chưa tạo được chuyển biến rõ nét trong nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

- Cơ chế tài chính và thanh toán bảo hiểm y tế còn bất cập, làm giảm động lực phát triển dịch vụ kỹ thuật, hạn chế khả năng tự chủ và thu hút người bệnh, đặc biệt tại tuyến y tế cơ sở.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và liên thông dữ liệu y tế còn chậm và thiếu đồng bộ; một số nền tảng, chức năng và hướng dẫn triển khai chưa phù hợp với yêu cầu chuyên môn và nhu cầu thực tiễn của người dân, cơ sở y tế.

- Công tác phối hợp liên ngành trong các lĩnh vực quản lý dược, an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh và bảo trợ xã hội chưa thật sự chặt chẽ, hiệu quả phối hợp chưa cao, ảnh hưởng đến hiệu lực quản lý và tổ chức thực hiện.

- Nhận thức và ý thức của một bộ phận người dân trong công tác y tế dự phòng còn hạn chế; vẫn còn tình trạng chủ quan, lơ là trong phòng, chống dịch bệnh, tham gia tiêm chủng mở rộng và chủ động phòng bệnh, rèn luyện, nâng cao sức khỏe.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống y tế thành phố Huế hiện đại - công bằng - hiệu quả - bền vững và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động số 15-CTr/TU, ngày 19/12/2025 của Thành Ủy và Kế hoạch số 462/KH-UBND ngày 28/11/2025 của UBND thành phố Huế về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tăng cường năng lực y tế dự phòng, đặc biệt trong công tác dự báo, cảnh báo và ứng phó với các loại dịch bệnh, các tình huống y tế khẩn cấp, tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai; kiểm soát các yếu tố nguy cơ, bảo đảm an toàn thực phẩm, nâng cao sức khỏe cộng đồng trên địa bàn thành phố.

b) Nâng cao chất lượng và hiệu quả mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế, chú trọng phát triển y tế cơ sở; rút ngắn khoảng cách tiếp cận dịch vụ y tế giữa thành thị và nông thôn, giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các khu vực thuận lợi; thúc đẩy xã hội hóa và hợp tác công - tư trong lĩnh vực y tế.

c) Phát triển nhân lực y tế bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng và phân bố hợp lý theo từng địa bàn; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực cho tuyến y tế cơ sở, vùng sâu, vùng xa, biên giới; bảo đảm tỷ lệ bác sĩ, điều dưỡng đạt chuẩn theo quy định, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của thành phố.

d) Bảo đảm cung ứng đầy đủ thuốc, vắc xin, hóa chất, vật tư và thiết bị y tế, ưu tiên sử dụng thuốc và thiết bị y tế sản xuất trong nước phù hợp với điều kiện địa phương; bảo đảm việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả; nâng cao hiệu quả quản lý an toàn thực phẩm.

e) Tăng cường đầu tư và huy động nguồn lực cho y tế, ưu tiên ngân sách địa phương cho y tế dự phòng và y tế cơ sở; đa dạng hóa các nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia, viện trợ quốc tế và hợp tác công – tư, đặc biệt cho vùng khó khăn, biên giới, bãi ngang, ven biển.

f) Nâng cao năng lực quản trị hệ thống y tế địa phương, đẩy mạnh cải cách hành chính, bảo đảm minh bạch, hiệu lực và hiệu quả trong điều hành, quản lý ngành y tế; đổi mới cơ chế, chính sách và pháp luật phù hợp với thực tiễn của thành phố và chủ trương, chính sách của Trung ương.

g) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và chuyển đổi số y tế, đặc biệt trong quản lý, y tế dự phòng và khám bệnh, chữa bệnh từ xa; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động quản lý nhà nước của các cơ sở y tế trên toàn thành phố.

h) Thực hiện hiệu quả công tác dân số và phát triển, duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh dần về cân bằng tự nhiên; nâng cao chất lượng dân số thông qua chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc bà mẹ – trẻ em và người cao tuổi; nâng cao nhận thức và tỷ lệ sử dụng dịch vụ dân số – kế hoạch hóa gia đình, nhất là tại vùng khó khăn.

i) Bảo đảm chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện toàn diện, bền vững và công bằng; bảo đảm quyền trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện để trẻ em được bảo vệ, chăm sóc và phát triển toàn diện; chủ động phòng ngừa, kiểm soát, giảm thiểu và tiến tới đẩy lùi các loại tệ nạn xã hội.

k) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, đẩy mạnh phối hợp liên ngành giữa Y tế, Nông nghiệp, Công thương và chính quyền địa phương; kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả các nguy cơ mất an toàn thực phẩm.

3. Một số chỉ tiêu đến năm 2030

- Tăng chiều cao trung bình của trẻ em và thanh thiếu niên từ 1-18 tuổi: 1,5 cm
- Tuổi thọ trung bình của người dân: 75,5
- Số năm sống khỏe mạnh tối thiểu: 68
- Tỷ lệ tiêm chủng các vắc-xin trong Chương trình tiêm chủng thiết yếu: > 95%
- Tỷ lệ người dân thường xuyên tham gia hoạt động thể chất: +10%
- Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần: 100%
- Số bác sĩ tại trạm y tế cấp xã: 5 bác sĩ
- Tăng tỉ lệ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trạm y tế cấp xã: 20%
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế: >99-100%
- Số bác sĩ/vạn dân (bao gồm trung ương và địa phương quản lý): 19
- Số giường bệnh/vạn dân (bao gồm trung ương và địa phương quản lý): 100
- Tỷ lệ xã, phường đạt các Tiêu chí Quốc gia về y tế xã: 100%
- Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 95% vào năm 2030.
- Bảo đảm ít nhất 90% số người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có người chăm sóc được các cơ sở trợ giúp xã hội tư vấn, trợ giúp và quản lý.
- Tỷ lệ Trạm y tế cấp xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến: 100%
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90%.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

- Xây dựng hệ thống y tế thành phố phát triển toàn diện, hiện đại, công bằng và bền vững, lấy người dân làm trung tâm; bảo đảm mọi người dân được chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe suốt vòng đời, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng cuộc sống.
- Mạng lưới cơ sở y tế được quy hoạch đồng bộ, đủ năng lực chuyên môn, cơ sở hạ tầng và thiết bị y tế hiện đại; phát triển hài hòa giữa y tế dự phòng, y tế cơ sở và y tế chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong bối cảnh thay đổi mô hình bệnh tật và già hóa dân số.
- Dân số phát triển ổn định, quy mô và cơ cấu hợp lý; duy trì mức sinh thay thế bền vững, chủ động thích ứng với già hóa dân số; nâng cao toàn diện chất lượng dân số, bảo đảm bình đẳng giới, thu hẹp chênh lệch vùng và bảo đảm mọi người dân được tiếp cận công bằng các dịch vụ dân số và chăm sóc sức khỏe.
- Hệ thống an sinh xã hội được hoàn thiện theo hướng toàn diện, bao trùm và bền vững; bảo đảm các nhóm yếu thế được tiếp cận kịp thời, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản, chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng, góp phần giữ vững ổn định xã hội và phát triển bền vững.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

- Mỗi cán bộ y tế phải tự nâng cao ý thức tự giác, hình thành thói quen, nếp sống lành mạnh và tinh thần trách nhiệm trong việc chủ động rèn luyện, bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng; qua đó, mỗi cán bộ y tế trở thành một tuyên truyền viên tích cực trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình cộng đồng, trường học, nơi làm việc an toàn – khỏe mạnh, gắn với lồng ghép đồng bộ các hoạt động phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống bệnh không lây nhiễm; phòng, chống tai nạn thương tích; chăm sóc sức khỏe tâm thần và nâng cao chất lượng môi trường sống. Đồng thời, lồng ghép các hoạt động phòng bệnh với công tác khám bệnh, chữa bệnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả chăm sóc sức khỏe.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình, chiến lược mục tiêu quốc gia về y tế, các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ/kỷ niệm quan trọng liên quan đến ngành y tế phổ biến ở Việt Nam và quốc tế, qua đó đẩy mạnh phong trào toàn dân chủ động chăm sóc sức khỏe, xây dựng văn hóa sức khỏe trong nhân dân.

- Đổi mới tư duy quản trị ngành y tế theo hướng hiện đại, minh bạch, lấy hiệu quả và sự hài lòng của người dân làm thước đo; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; phòng chống lạm dụng, trục lợi chính sách y tế và bảo hiểm y tế.

- Chuyển mô hình quản lý từ “kiểm tra theo đợt” sang quản lý theo rủi ro – dữ liệu – hậu kiểm chủ động, coi an toàn thuốc, mỹ phẩm là một phần bắt buộc của an toàn người bệnh

2. Hoàn thiện thể chế, tập trung nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở

- Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành các nghị quyết nhằm thể chế hóa các chính sách đặc thù về y tế thuộc thẩm quyền, tạo hành lang pháp lý cho đổi mới, phát triển hệ thống y tế dự phòng và y tế cơ sở.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026–2035, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ quốc gia với điều kiện và đặc thù phát triển của thành phố Huế; bảo đảm hoàn thành hoặc vượt các chỉ tiêu do Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố giao. Bảo đảm mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng ngay tại cơ sở; tăng cường phòng bệnh từ sớm, từ xa; xây dựng cộng đồng an toàn, bảo đảm an ninh y tế; nâng cao ý thức tự chăm sóc và nâng cao sức khỏe của người dân. Thực hiện hiệu quả các nội dung: (i) Nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở; (ii) Nâng cao hiệu quả hệ thống phòng bệnh và nâng cao sức khỏe; (iii) Dân số và phát triển, duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh, thích ứng với già hóa dân số; (iv) Nâng cao chất lượng chăm sóc xã hội cho người yếu thế giai đoạn 2026–2035; (v) Truyền thông, giám sát và đánh giá chương trình.

- Chú trọng đầu tư cho y tế dự phòng và y tế cơ sở; trong đó ưu tiên đầu tư phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố trở thành Trung tâm cấp vùng; đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở y tế các tuyến nhằm củng cố mạng lưới y tế dự phòng của thành phố Huế, bảo đảm kết nối đồng bộ với hệ thống kiểm soát bệnh tật toàn quốc.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng theo hướng hiện đại; bảo đảm đủ năng lực giám sát, dự báo, cảnh báo sớm và đáp ứng kịp thời với dịch bệnh; nâng cao năng lực kiểm soát, phát hiện các yếu tố nguy cơ; từng bước tự chủ xét nghiệm nhằm phát hiện sớm tác nhân gây bệnh.

- Ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch, đề án trọng điểm nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của hệ thống y tế, gồm: cấp cứu – hồi sức; nâng cao năng lực Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; chăm sóc sức khỏe tâm thần; giám định y khoa – pháp y; kiểm nghiệm, kiểm định phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Thực hiện tốt Chương trình Tiêm chủng mở rộng và công tác an toàn tiêm chủng theo hướng dẫn của Bộ Y tế; bảo đảm không để sót đối tượng, hoàn thành đầy đủ chỉ tiêu tiêm chủng theo quy mô từng xã, phường.

- Tăng cường vai trò quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; đẩy mạnh phối hợp liên ngành giữa y tế và các ngành liên quan theo phân công, phân cấp trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Phối hợp chặt chẽ giữa ngành Y tế và ngành Giáo dục trong triển khai công tác y tế trường học; tăng cường hỗ trợ chuyên môn, kiểm tra, giám sát hoạt động y tế tại các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh giáo dục thể chất, dinh dưỡng học đường, an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe cho học sinh, sinh viên.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tư vấn và phổ biến kiến thức về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho Nhân dân, đặc biệt là trẻ em, thanh niên và người cao tuổi; đa dạng hóa hình thức truyền thông, phù hợp với từng địa bàn và nhóm đối tượng.

3. Nâng cao y đức, phát triển nhân lực y tế chất lượng, đồng bộ đáp ứng sự hài lòng của người bệnh và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục đổi mới phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, người bệnh gắn liền với nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao ý thức tự học tập, rèn luyện, trau dồi y đức, quy tắc ứng xử, kỹ năng giao tiếp, tư vấn chăm sóc toàn diện, lấy người bệnh làm trung tâm.

- Rà soát, hoàn thiện và thực hiện nghiêm các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp; tăng cường giáo dục y đức, trách nhiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế.

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển nhân lực y tế chất lượng cao; Đề án phát triển nhân lực cho trạm y tế cấp xã; khuyến khích đào tạo chuyên sâu, đào tạo theo vị trí việc làm, khuyến khích luân phiên, hỗ trợ chuyên môn giữa các tuyến.

- Nghiên cứu, rà soát, xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách duy trì đội ngũ nhân viên y tế, cô đỡ tại thôn bản; quan tâm đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên y tế, cô đỡ thôn bản. Duy trì và phát triển đội ngũ cộng tác viên dân số; bồi dưỡng kiến thức để nâng cao năng lực chuyên môn về công tác dân số và phát triển.

4. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng, phát huy thế mạnh của y học cổ truyền

- Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ở tất cả các cấp khám chữa bệnh; tăng cường an toàn người bệnh, quản lý chất lượng bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn và cải tiến liên tục.

- Triển khai chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình, tăng cường kết nối, hỗ trợ giữa các cấp chuyên môn kỹ thuật trong hệ thống y tế, trong đó tập trung hỗ trợ cho trạm y tế cấp xã.

- Phát triển dịch vụ phục hồi chức năng, chăm sóc dài hạn, chăm sóc tại cộng đồng và tại nhà; lồng ghép phục hồi chức năng sớm trong quá trình điều trị.

- Phát triển y học cổ truyền trong giai đoạn mới theo Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe ban đầu; khai thác hiệu quả các thế mạnh y học cổ truyền của địa phương.

5. Tăng cường công tác dân số và nâng cao chất lượng dân số

- Duy trì mức sinh thay thế bền vững, ổn định quy mô dân số hợp lý; thu hẹp chênh lệch mức sinh giữa các vùng, nhóm đối tượng.

- Chủ động thích ứng với già hóa dân số, khắc phục mất cân bằng giới tính khi sinh, phát huy hiệu quả cơ cấu dân số vàng, bảo đảm nguồn nhân lực cho phát triển bền vững.

- Tăng cường quản lý nhà nước về dân số và phát triển; hoàn thiện chính sách, pháp luật; kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác dân số; triển khai đồng bộ chính sách khuyến sinh hợp lý và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Nâng cao chất lượng dân số toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần; đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe sinh sản, khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh và sơ sinh; nâng cao chất lượng dân số suốt vòng đời.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, đổi mới nội dung và phương thức truyền thông về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; tăng cường phối hợp liên ngành, huy động sự tham gia của cộng đồng, gia đình; lồng ghép yếu tố dân số trong các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội.

6. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe - chăm sóc xã hội, đảm bảo an sinh xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội

a) Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe - chăm sóc xã hội

- Phát triển và nhân rộng mô hình chăm sóc tích hợp y tế - xã hội, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa chăm sóc sức khỏe và chăm sóc xã hội;

- Bảo đảm đối tượng bảo trợ xã hội được tiếp cận đầy đủ, kịp thời, liên tục các dịch vụ y tế cơ bản, phù hợp với tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc. Tăng cường liên kết, phối hợp giữa các cơ sở trợ giúp xã hội với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp chăm sóc sức khỏe ban đầu với chăm sóc xã hội đối với các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội, trọng tâm là: người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ

em có hoàn cảnh đặc biệt, người mắc bệnh tâm thần, người lang thang;

- Triển khai các mô hình chăm sóc phù hợp, bao gồm: chăm sóc tại cộng đồng; chăm sóc dài hạn; chăm sóc dựa vào gia đình, bảo đảm tính liên tục và bền vững;

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội; từng bước đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cơ bản tại các cơ sở trợ giúp xã hội đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và phục hồi chức năng;

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng và tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

b) Mở rộng bao phủ BHYT

- Phấn đấu 100% đối tượng bảo trợ xã hội có thẻ bảo hiểm y tế và được quản lý hồ sơ sức khỏe, gắn với hệ thống y tế cơ sở;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc sớm bệnh tật đối với các nhóm: người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

c) Bảo đảm an sinh xã hội gắn với chăm sóc sức khỏe

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật;

- Gắn việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội với nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện sống.

d) Huy động nguồn lực và phối hợp liên ngành

- Tăng cường phối hợp liên ngành giữa Y tế - Giáo dục - các hội, đoàn thể, chính quyền địa phương các cấp, cộng đồng và gia đình trong thực hiện chăm sóc sức khỏe, chăm sóc xã hội và bảo đảm an sinh xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội;

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp; thu hút sự tham gia của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng và chăm sóc dài hạn đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

7. Phát triển sản xuất, cung ứng thuốc, hạ tầng và thiết bị y tế

a) Phát triển sản xuất, cung ứng thuốc:

- Khuyến khích các doanh nghiệp dược trên địa bàn đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc từ dược liệu đạt chuẩn GMP-WHO. Tập trung vào các sản phẩm có thế mạnh như: các bài thuốc cung đình Huế được chuẩn hóa, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ thảo dược địa phương...

b) Hạ tầng và thiết bị y tế:

- Đầu tư cho y tế dự phòng, y tế cơ sở; trong đó đầu tư phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khi có dịch bệnh mới xảy ra; xây dựng cơ sở y tế các tuyến nhằm củng cố mạng lưới y tế dự phòng của thành phố Huế và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật toàn quốc. Hoàn thiện hệ thống giám sát, dự báo, cảnh báo và phòng, chống dịch bệnh theo hướng chủ động, nâng cao năng lực phát hiện, kiểm soát các yếu tố nguy cơ và triển khai hiệu quả các biện pháp điều trị dự phòng.

- Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế trong toàn ngành, đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế cho y tế cơ sở, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo mô hình sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp; phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 80% trạm y tế cấp xã đạt tiêu chuẩn thiết kế theo quy định của Bộ Y tế.

- Tập trung đầu tư xây mới, nâng cấp và mở rộng các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến thành phố, trung tâm y tế; đồng thời tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng các trạm y tế cấp xã.

- Đầu tư thiết bị cho các trạm y tế cấp xã theo quy định của Bộ Y tế, bao gồm cả thiết bị truyền thông, công nghệ thông tin, túi y tế thôn, bản. Đảm bảo đến năm 2030, 100% trạm y tế cấp xã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, theo chức năng, nhiệm vụ.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm trở thành Trung tâm vùng khu vực miền Trung; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất và đầu tư thiết bị y tế hiện đại, bảo đảm đủ năng lực triển khai các kỹ thuật chuyên ngành, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

8. Đẩy mạnh cải cách tài chính y tế và phát triển hiệu quả, bền vững chính sách bảo hiểm y tế

- Chi ngân sách Nhà nước có trọng tâm, trọng điểm, sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước được cấp hằng năm cho y tế, bảo đảm ngân sách Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong y tế dự phòng, y tế cơ sở, tối thiểu 30% chi cho y tế dự phòng trong tổng chi ngân sách cho y tế.

- Ưu tiên bố trí và bảo đảm mức tăng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho lĩnh vực y tế, bảo đảm ngân sách nhà nước chi thường xuyên và chi đầu tư cho y tế. Bố trí ngân sách nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là tại các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, lĩnh vực pháp y, hồi sức cấp cứu, giải phẫu bệnh và một số đối tượng đặc thù.

- Nghiên cứu, tham mưu và đề xuất xây dựng các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố trong việc đảm bảo nguồn lực tài chính cho hoạt động nâng cao sức khỏe của người dân, đặc biệt trong công tác phòng chống dịch bệnh trong bối cảnh toàn cầu đang phải đối với các dịch bệnh lớn, thảm họa xảy ra.

- Lồng ghép, phối hợp tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí với các chương trình y tế dự phòng - dân số nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được cấp gắn với tạo lập, cập nhật sổ sức khỏe điện tử cho người dân.

- Phối hợp với BHXH thành phố có kế hoạch nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm y tế; Cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và cơ sở y tế; Sử dụng có hiệu quả chi phí quản lý, tăng chi cho khám bệnh, chữa bệnh gắn với kiểm soát chi phí hợp lý.

9. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số y tế

a) Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Đổi mới phương thức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến kỹ thuật cấp cơ sở theo hướng chất lượng, chuyên sâu, phù hợp với định hướng phát triển của ngành y tế. Hướng đến triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố, cấp quốc gia có tính thực tiễn, ứng dụng cao, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng; nâng cao năng lực các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm phục vụ y tế chuyên sâu

- Tham mưu ưu tiên bố trí kinh phí từ quỹ phát triển khoa học công nghệ, trong đó tập trung cho nghiên cứu, sản xuất thuốc mới, thuốc ứng dụng công nghệ cao, thuốc dược liệu tiêu chuẩn hóa, dạng bào chế hiện đại.

b) Chuyển đổi số

Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong ngành Y tế; xây dựng cơ sở dữ liệu y tế thống nhất, liên thông giữa các tuyến và các ngành.

- Quản trị y tế thông minh: Tiếp tục triển khai mở rộng Hệ thống điều phối dữ liệu y tế, đảm bảo chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ sở y tế, phục vụ chăm sóc sức khỏe liên tục và quản trị điều hành thông minh trong ngành y tế địa phương. Duy trì 100% các cơ sở y tế được tích hợp, đồng bộ dữ liệu y tế lên trực tích hợp dữ liệu ngành y tế đúng hướng dẫn của Bộ Y tế. Triển khai hệ thống quản lý chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh và cấp giấy phép hoạt động. Hình thành kho dữ liệu và thông tin y tế tập trung. Quản lý dữ liệu dân số, Nâng cao chất lượng dự báo và hoạch định chính sách dân số.

+ Xây dựng Hệ thống số hóa quản lý dược–mỹ phẩm toàn thành phố (hồ sơ số cơ sở): Quản lý danh mục cơ sở (KCB công/tư; cơ sở kinh doanh thuốc/sản xuất mỹ phẩm), lịch sử cấp phép–hậu kiểm–vi phạm–khắc phục. Số hóa kế hoạch kiểm tra/giám sát: lập kế hoạch, biên bản, kết luận, theo dõi khắc phục trên hệ thống.

+ Giám sát kê đơn và bán thuốc kê đơn dựa trên dữ liệu số.

- Khám chữa bệnh thông minh: Duy trì triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thí điểm mô hình bệnh viện thông minh, bệnh viện không giấy tờ; Tích hợp nền tảng AI Chatbot, AI Voicebot phục vụ người dân/người bệnh; Mở rộng triển khai nền tảng tư vấn khám, chữa bệnh từ xa (Telemedicine) tại các bệnh viện, trung tâm y tế, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận chuyên gia y tế chất lượng cao không phụ thuộc vào khoảng cách địa lý.

- Chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh thông minh: Triển khai đăng ký khám, chữa bệnh trực tuyến; Triển khai hệ thống chăm sóc, tư vấn, hướng đến hội chẩn đoán khám bệnh, chữa bệnh từ xa. Triển khai tốt các nền tảng phòng chống bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, hệ thống tiêm chủng quốc gia.

- Nâng cao năng lực nhân lực và truyền thông số: đào tạo cán bộ y tế về an toàn thông tin, đào tạo chuyển đổi số cho cán bộ y tế, phổ cập kỹ năng số cho người dân và đẩy mạnh tuyên truyền trên các nền tảng số.

10. Đẩy mạnh phát triển y tế tư nhân, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân đầu tư phát triển y tế theo quy hoạch; đẩy mạnh các mô hình hợp tác công – tư trong cung ứng dịch vụ y tế, sản xuất thuốc, sinh phẩm, thiết bị y tế; khuyến khích thành lập, mở rộng các cơ sở y tế tư nhân, phát triển các loại hình dịch vụ y tế chất lượng cao, chăm sóc dài hạn, điều dưỡng và phục hồi chức năng.

- Định hướng, khuyến khích khu vực y tế tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ y tế tại các địa bàn còn khó khăn, vùng nông thôn, miền núi, biên giới, khu vực thiếu cơ sở y tế công lập; khuyến khích đầu tư phát triển các trung tâm chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng, trị liệu gắn với y học cổ truyền, khai thác hợp lý dược liệu đặc hữu của địa phương và phát triển du lịch chăm sóc sức khỏe.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí, ưu tiên quỹ đất, sử dụng hiệu quả trụ sở dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy; tạo điều kiện về đất đai, cơ sở hạ tầng cho các dự án y tế tư nhân theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát hoạt động y tế tư nhân; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, trục lợi chính sách, bảo đảm chất lượng dịch vụ và quyền lợi của người dân.

11. Phát triển y tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển y tế với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; củng cố năng lực hệ thống y tế trong phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các tình huống y tế khẩn cấp, bảo đảm an ninh y tế trên địa bàn.

- Tăng cường phối hợp giữa y tế dân sự với y tế quân đội, công an và các lực lượng liên quan trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân; triển khai hiệu quả mô hình quân – dân y kết hợp, nhất là tại các địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa.

- Đẩy mạnh phối hợp liên ngành trong thanh tra, kiểm tra, kiểm soát lĩnh vực y tế; tập trung phòng, chống thuốc giả, mỹ phẩm giả, kém chất lượng, góp phần giữ vững trật tự, an toàn xã hội.

12. Tăng cường liên kết hệ thống y tế, phối hợp liên ngành và mở rộng hợp tác quốc tế

- Tăng cường liên kết, phối hợp giữa y tế địa phương với các cơ sở y tế Trung ương đóng trên địa bàn và trong cả nước; phát huy vai trò nòng cốt của Bệnh viện Trung ương Huế, Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ chuyên môn cho tuyến thành phố, Trung tâm Y tế và trạm y tế cơ sở.

- Đẩy mạnh phối hợp liên ngành giữa ngành Y tế với các sở, ban, ngành, địa phương trong công tác y tế dự phòng, an toàn thực phẩm và phòng, chống dịch bệnh; hoàn thiện cơ chế giám sát, chia sẻ thông tin và quy trình phối hợp trong kiểm soát các yếu tố nguy cơ, nhất là bệnh lây truyền từ động vật sang người và dịch bệnh tại khu công nghiệp.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế; tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, y tế dự phòng và chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng lực hệ thống y tế thành phố.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước: chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.
- Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035
- Nguồn từ Quỹ bảo hiểm y tế.
- Nguồn xã hội hóa, PPP (nguồn kinh phí dự án đối tác công tư), tài trợ hợp pháp, ODA/viện trợ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các phòng thuộc Sở Y tế

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, chủ trì, tham mưu, tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng tới toàn thể cán bộ ngành y tế; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo triển khai đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp với yêu cầu rõ tổ chức, cá nhân thực hiện, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm và rõ thẩm quyền; Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện và báo cáo kết quả sơ kết, tổng kết về phòng Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Thường trực triển khai kế hoạch này, chịu trách nhiệm đôn đốc, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo, tham mưu Giám đốc Sở các triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

- Xây dựng báo cáo, biểu mẫu theo dõi, thống kê tình hình, kết quả thực hiện của các đơn vị, địa phương, báo cáo UBND thành phố theo quy định.

3. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ kế hoạch này theo chỉ đạo của Sở Y tế và báo cáo kết quả sơ kết, tổng kết về phòng Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Đề nghị các phòng, các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức, triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Các Sở, Ban, Ngành (để phối hợp);
- UBND các xã, phường (để phối hợp);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Trần Kiên Hảo

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG Y TẾ THÀNH PHỐ HUẾ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-SYT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Sở Y tế thành phố Huế)

Stt	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I. Đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân (06 nhiệm vụ)					
1.	Truyền thông, giáo dục, tư vấn, phổ biến kiến thức về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, tạo ý thức tự giác, chủ động trong phòng bệnh của mỗi cá nhân và toàn xã hội	Phòng Nghiệp vụ Y	CDC, các đơn vị trực thuộc	Các kế hoạch, hoạt động truyền thông GDSK được triển khai	Thường xuyên
2.	Triển khai các giải pháp đồng bộ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ, tai nạn, thương tích, bạo lực gia đình	Phòng Nghiệp vụ Y	CDC, các đơn vị trực thuộc	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
3.	Triển khai hiệu quả Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2030	Phòng Nghiệp vụ Y	CDC, các cơ sở KBCB	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
4.	Khảo sát đánh giá thực trạng hiểu biết sức khỏe của người dân thành phố Huế	Phòng Nghiệp vụ Y	CDC, các đơn vị trực thuộc	Báo cáo	2026-2027
5.	Triển khai giải pháp phòng chống lạm dụng, trục lợi chính sách và vi phạm pháp luật trong công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân	Phòng Kế hoạch tài chính	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Hoạt động hằng năm	Thường xuyên
6.	Lồng ghép và ưu tiên các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội	Phòng Kế hoạch tài chính	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển KTXH	Thường xuyên

Stt	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
II. Hoàn thiện thể chế, tập trung nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở, phát huy thế mạnh của y học cổ truyền (10 nhiệm vụ)					
7.	Tiếp tục thực hiện sắp xếp, kiện toàn nâng cao năng lực các bệnh viện, trung tâm y tế	Văn phòng	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc		2025-2030
8.	Triển khai hiệu quả các Chiến lược, Chương trình, Đề án thuộc Kế hoạch triển khai, thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng với yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc ban hành tại Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 14/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	Phòng Bảo trợ xã hội	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
9.	Thực hiện luân phiên, luân chuyển nhân lực y tế về công tác tại trạm y tế xã	Văn phòng	Các Sở ngành, địa phương, các đơn vị trực thuộc	Hoạt động hằng năm	Thường xuyên
10.	Triển khai hiệu quả việc liên thông, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung về y tế, bảo hiểm y tế và dữ liệu dân cư	Văn phòng	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
11.	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuộc lĩnh vực y tế	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, MP, TP	Các phòng thuộc Sở	Quyết định của Chủ tịch UBND	2026
12.	Kế hoạch Nâng cao năng lực cấp cứu - hồi sức tại các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2025 - 2027	Phòng Nghiệp vụ Y	Các cơ sở KBCB	Quyết định của Chủ tịch UBND	2026
13.	Kế hoạch nâng cao năng lực Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế giai đoạn 2025- 2030 và tầm nhìn 2045	Phòng Nghiệp vụ Y	CDC, các đơn vị trực thuộc	Quyết định của Chủ tịch UBND	2026
14.	Kế hoạch nâng cao năng lực bệnh viện Tâm thần Huế và chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2050	Phòng Nghiệp vụ Y	Bệnh viện Tâm thần Huế, các đơn vị trực thuộc	Quyết định của Chủ tịch UBND	2026

Stt	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
15.	Kế hoạch nâng cao năng lực phát triển Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2050	Phòng Nghiệp vụ Y	Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y, các đơn vị trực thuộc	Quyết định của Chủ tịch UBND	Quý I/2026
16.	Đề án thành lập Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng thành phố Huế	Văn phòng	Các phòng; BV Phục hồi chức năng	Đề án trình UBND	Tháng 7/2026
III. Nâng cao y đức, phát triển nhân lực y tế chất lượng, đồng bộ, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh và hội nhập quốc tế (06 nhiệm vụ)					
17.	Tiếp tục đổi mới toàn diện phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, người bệnh gắn liền với nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế, thực hiện tốt mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Lương y phải như từ mẫu”, nâng cao ý thức tự học tập, rèn luyện, trau dồi y đức, quy tắc ứng xử, kỹ năng giao tiếp, tư vấn người bệnh	Văn phòng	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
18.	Đổi mới và tăng cường giáo dục y đức, kiến thức pháp luật trong đào tạo khối ngành sức khỏe	Văn phòng	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
19.	Xây dựng Đề án phát triển nhân lực y tế chất lượng cao	Văn phòng	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố	Quý IV/2026
20.	Nghị quyết quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực bác sĩ cho ngành y tế thành phố Huế (thay thế Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022)	Văn phòng	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Nghị quyết trình	Tháng 4/2026
21.	Khuyến khích đưa cán bộ y tế đi đào tạo chuyên sâu ở các nước có thể mạnh, kinh phí được chi trả từ các chương trình học bổng	Văn phòng	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
22.	Xây dựng Đề án Phát triển nhân lực y tế cho trạm y tế cấp xã	Văn phòng	Các Sở ngành, địa phương, các đơn vị trực thuộc	Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố	2026

Stt	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
IV. Đẩy mạnh cải cách tài chính y tế và phát triển hiệu quả, bền vững chính sách hiểm y tế (03 nhiệm vụ)					
23.	Ưu tiên bố trí và bảo đảm mức tăng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho lĩnh vực y tế, bảo đảm ngân sách nhà nước chi thường xuyên và chi đầu tư cho y tế cơ sở, y tế dự phòng	Phòng Kế hoạch tài chính	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Dự toán ngân sách nhà nước dành cho lĩnh vực y tế; sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	Hằng năm
24.	Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, sử dụng Quỹ Bảo hiểm y tế, cải cách thủ tục hành chính, sử dụng tiết kiệm chi phí quản lý, tăng chi cho khám bệnh, chữa bệnh, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế	Phòng Nghiệp vụ Y	Các phòng của Sở; Các cơ sở KCB BHYT trên địa bàn	Các hoạt động hằng năm	Hằng năm
25.	Tổ chức phối hợp giữa các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, kiểm tra sức khỏe của học sinh, sinh viên, khám bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động theo quy định và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để khám bệnh miễn phí và hoàn thành việc tạo lập sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân	Phòng Nghiệp vụ Y	Các phòng của Sở; Các cơ sở KCB	Các hoạt động hằng năm	Hằng năm
V. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện trong chăm sóc sức khỏe (02 nhiệm vụ)					
26.	Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển công nghiệp dược	Phòng Nghiệp vụ Dược	Các Sở ngành, địa phương, các đơn vị trực thuộc	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên

Stt	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
27.	Hoàn thiện hạ tầng số y tế; Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu y tế dùng chung; Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến và quản lý điều hành số; Ứng dụng công nghệ, thực hiện các giải pháp đột phá trong lĩnh vực y tế; Nâng cao năng lực nhân lực và truyền thông số.	Văn phòng	Các phòng; Các đơn vị trực thuộc	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
VI. Đẩy mạnh phát triển y tế tư nhân, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển y tế (02 nhiệm vụ)					
28.	Triển khai hoạt động hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật	Phòng Nghiệp vụ Y	Các phòng của Sở, các đơn vị tư nhân	Báo cáo kết quả	Thường xuyên
29.	Tăng cường kiểm tra, giám sát, không để trục lợi chính sách, sử dụng lãng phí, kém hiệu quả, thất thoát các nguồn lực, xử lý nghiêm các sai phạm	Phòng Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Bảo trợ xã hội	Các phòng, các đơn vị trực thuộc, các đơn vị tư nhân	Hoạt động hằng năm	Thường xuyên